TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2023.
"V/v: Kiện ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tú Huân và ông Trần Hữu Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08/02/2023 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/07/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Thanh B - sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lự Thị T - sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Thanh B trình bày:

Anh Lương Thanh B và chị Lự Thị T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Hiện anh B và chị T đã ly thân với nhau nên anh B yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh Lương Thanh B và chị Lự Thị T có 02 con chung là: Lương Thị Hoài L - sinh ngày 09/01/2010 và Lương Thị Hoài L1 - Sinh ngày 12/04/2015.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh B có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị Lự Thị T không đến Tòa làm việc nên không trình bày ý kiến về các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân đề ngày 18/05/2023 thể hiện nội dung: Vê mâu thuẫn giữa anh B và chị T địa phương không rõ. Hiện nay chị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Hai con chung hiện đang ở với anh B.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc anh B khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B về việc ly hôn với chị Lự Thị T. Về con chung: đề nghị giao các con chung cho anh Lương Thanh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Anh Lương Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lự Thị T là "Kiện ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lự Thị T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Lương Thanh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vây, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Thanh B và chị Lự Thị T chung sống với nhau từ năm 2007. Đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 14/07/2010 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của các bên và nội dung xác minh tại chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn giữa các bên. Tuy nhiên theo anh B

trình bày, chị T có quan hệ tình cảm với người khác, không còn chung sống cùng anh B. Do đó, xét thấy giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc anh B yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung:

Anh Lương Thanh B và chị Lự Thị T có 02 con chung là: Lương Thị Hoài L - sinh ngày 09/01/2010 và Lương Thị Hoài L1 - Sinh ngày 12/04/2015.

Anh B có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến tuổi trưởng thành. Chị Lự Thị T không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Tại bản tự khai đề ngày 13/02/2023, các cháu Lương Thị Hoài L và Lương Thị Hoài L1 đều có nguyện vọng ở với bố.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh Lương Thanh B.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Thanh B. Anh Lương Thanh B được ly hôn với chị Lự Thị T.

- Về con chung: Giao con chung là Lương Thị Hoài L - sinh ngày 09/01/2010 và Lương Thị Hoài L1 - Sinh ngày 12/04/2015 cho anh Lương Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Lự Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Lương Thanh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011083 ngày 06/02/2023.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy